TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tư do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21-02-2025
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S - TỈNH LÀO CAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bình Trọng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Thịnh;
2. Ông Phạm Đức Minh.
- ***Thư ký phiên toà***: Ông Trịnh Ngọc Long - Thư ký Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai.
- ***Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa***: Bà Dương Thị Hồng Luận - Kiểm sát viên.
Ngày 21 tháng 02 năm 2025 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2024/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 11 năm 2024 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:
1. Nguyên đơn: Chị L T M sinh năm 1985.
Địa chỉ nơi cư trú: Thôn T C P, xã T C P, huyện S, tỉnh Lào Cai - Có mặt.
2. Bị đơn: Anh H S K sinh năm 1982.
Địa chỉ nơi cư trú: Thôn T C P, xã T C P, huyện S, tỉnh Lào Cai - Có mặt.
3. Người phiên dịch của nguyên đơn: Bà L T N sinh năm 1991.
Địa chỉ nơi cư trú: Thôn S C, xã N S, huyện S, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Đơn khởi kiện đề ngày 04/11/2024, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa chị L T M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh K tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001 được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương, do không hiểu biết pháp luật nên đến nay chị và anh K vẫn không đăng ký kết hôn. Năm 2002 anh chị đã có những mâu thuẫn mà nguyên nhân là khi chị sinh con thì vợ chồng có những bất đồng quan điểm sống, anh K thường xuyên uống rượu say về nhà chửi đánh chị, nhưng do con của anh chị còn nhỏ nên chị đã nhẫn

nhịn, cố gắng khắc phục trong một thời gian dài nhưng anh K không thay đổi, đến nay anh K vẫn thường xuyên uống rượu say, không chịu khó làm ăn mà còn chửi bới, đánh đập chị, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhất là từ năm 2022 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã lâu, trầm trọng nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh K.

- Về con chung, yêu cầu về nuôi con khi ly hôn: Quá trình chung sống anh chị có với nhau 03 người con chung, các cháu tên là H D P sinh ngày 07/5/2002, H T D sinh ngày 05/10/2004 và cháu H S C sinh ngày 19/01/2011. Cả ba cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường, nay hai cháu P, cháu D đã trưởng thành trên 18 tuổi và đã lập gia đình tự lo được cuộc sống riêng. Ban đầu nguyện vọng của chị khi ly hôn là để anh K trực tiếp nuôi dưỡng cháu C cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nhưng sau đó chị thay đổi nguyện vọng là khi ly hôn mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con. Về điều kiện thu nhập và nuôi dưỡng con chị trình bày cả chị và anh K đều làm nghề trồng trọt, chăn nuôi, khi rảnh cả chị và anh K đi làm thuê, mức thu nhập bình quân hàng tháng của chị và anh K mỗi người được khoảng 3.500.000 đồng đến 4.000.000 đồng.

- Về quan hệ tài sản, về quyền và nghĩa vụ về tài sản chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Yêu cầu của bị đơn:

- Về quan hệ hôn nhân anh K trình bày và đề nghị: Anh và chị M tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001 được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương cho đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định. Anh chị chung sống hạnh phúc cho đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị bất đồng với nhau về quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không hòa hợp, chị M đã từng bỏ nhà đi Đắc Nông, Đắc Lăk 03 lần mỗi lần đi hàng năm mới trở về, khi chị trở về anh muốn gần gũi và quan hệ vợ chồng nhưng chị M không cho ngủ cùng, tự đi ngủ một mình, khi anh đi xuống dưới thì chị M lại đi lên trên gác, đến nay anh chị sống ly thân với nhau khoảng 03 năm, từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án ly hôn đến nay anh chưa có biện pháp gì để tác động, hàn gắn hạnh phúc gia đình, khi anh muốn nói chuyện cùng chị nhưng chị toàn quát và không nói chuyện cùng anh. Nay chị M kiện ly hôn anh không đồng ý ly hôn mà mong muốn đoàn tụ vợ chồng.

- Về con chung, nuôi dưỡng con: Quá trình chung sống anh và chị M có 03 người con chung là các cháu H D P sinh ngày 07/5/2002, H T D sinh ngày 05/10/2004 và cháu H S C sinh ngày 19/01/2011. Cả ba cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường, nay hai cháu P và cháu D đã trưởng thành trên 18 tuổi và đã lập gia đình tự lo được cuộc sống riêng. Anh không đồng ý ly hôn chị M, trường hợp mà ly hôn thì anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H S C sinh ngày 19/01/2011 đến khi cháu đủ 18 tuổi. Do không đồng ý ly hôn nên anh không có ý kiến gì về việc cấp dưỡng nuôi cháu C.

- Về quan hệ tài sản, về quyền và nghĩa vụ về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

3.1. Về việc chấp hành luật tố tụng:

- Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 28, 35, 39; xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68; xác minh thu thập chứng cứ, giao nhận, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định tại các Điều từ 93 đến Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196; thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình xét xử vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70,71,72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

3.2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội xét xử theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L T M và anh H S K.

- Về con chung: Giao cháu H S C sinh ngày 19/01/2011 cho chị L T M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi, anh H S K không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

3. 3. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm pháp luật: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn H S K cư trú tại thôn T C P, xã T C P, huyện S do vậy đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã giao cho nguyên đơn, bị đơn đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự, chị M và anh K không đăng ký kết hôn nên Tòa án không tiến hành hòa giải về quan hệ hôn nhân mà chỉ tiến hành hòa giải về việc nuôi dưỡng con khi ly hôn và kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị L T M và anh H S K tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001 được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán nhưng cho đến nay vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tình cảm giữa hai anh chị đã mâu thuẫn từ năm 2022 mà nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình vợ chồng không hòa hợp, chị M bỏ nhà nhà đi Đắc Nông, Đắc Lăk 03 lần mỗi lần đi hàng năm mới trở về, khi chị trở

về anh K muốn gần gũi và quan hệ vợ chồng nhưng chị M không cho ngủ cùng, tự đi ngủ một mình, khi anh đi xuống dưới thì chị M lại đi lên trên gác, đến nay anh chị sống ly thân với nhau khoảng 03 năm, khi anh muốn nói chuyện cùng chị M nhưng chị toàn quát và không nói chuyện cùng anh và từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi hòa giải thì anh K chưa có biện pháp gì để tác động, hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do anh chị không đăng ký kết hôn thuộc trường hợp vụ án không được hòa giải do vi phạm điều cấm của luật, hơn nữa đến nay tình nghĩa vợ chồng không còn; căn cứ vào khoản 2 Điều 53 của luật hôn nhân gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị M với anh K là vợ chồng.

[3]. *Về nuôi con khi ly hôn*: Quá trình chung sống chị M và anh K có 03 người con chung là các cháu H D P sinh ngày 07/5/2002, H T D sinh ngày 05/10/2004 và cháu H S C sinh ngày 19/01/2011. Cả ba cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường, nay hai cháu P và cháu D đã trưởng thành trên 18 tuổi và đã lập gia đình tự lo được cuộc sống riêng. Khi ly hôn nguyện vọng của chị M là được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C còn anh K không đồng ý ly hôn chị M, trường hợp chị M cương quyết ly hôn anh thì anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu C. Còn nguyện vọng của cháu C khi bố mẹ ly hôn là được trực tiếp ở cùng với mẹ vì cháu cho rằng nhiều lần bố cháu uống rượu say chửi mắng mẹ đến 1- 2 giờ sáng nên cháu rất sợ bố. Về điều kiện nuôi dưỡng con khi ly hôn thì cả anh K và chị M nghề nghiệp chính là trồng trọt ngô, xa nhân, chăn nuôi, khi rảnh anh K và chị M đều đi làm thuê thu nhập hàng tháng của chị M cũng như anh K dao động ở mức từ 3.500.00 đồng đến 4.000.000 đồng, anh chị có nhà ở gác xép 04 gian, lợp ván tại xã T C P. Xét đến quyền lợi về mọi mặt và nguyện vọng của cháu C khi bố mẹ ly hôn là được trực tiếp ở cùng với mẹ. Vì vậy Hội đồng xét xử cân nhắc, quyết định giao cháu H S C cho chị L T M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

[4].*Về cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn*: Cả chị M và anh K đều là lao động chính có thu nhập, chị M không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi cháu C khi ly hôn, chị có việc làm và thu nhập đảm bảo việc trực tiếp nuôi dưỡng cháu C, nếu sau này chị M trực tiếp nuôi cháu C mà không đảm bảo điều kiện nuôi con thì có thể đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con bằng một vụ án khác. Trong vụ án này Hội đồng xét xử không buộc anh K phải cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn.

[5]. *Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản*: Cả chị M và anh K đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[6]. *Về nghĩa vụ chịu án phí*: Do gia đình chị L T M thộc diện hộ cận nghèo nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị Quyết số 326/2026/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; khoản 1,2 Điều 81; khoản 1,3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa

14 quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử không công nhận chị L T M và anh H S K là vợ chồng.

2. *Về nuôi con khi ly hôn*: Xử giao cháu H S C sinh ngày 19/01/2011 cho chị L T M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu C 18 tuổi. Anh H S K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về án phí*: Chị L T M được miễn tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. *Quyền kháng cáo đối với bản án*: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh;
- VKS ND H. S (2);
- Chi cục THADS H. S;
- UBND xã T C P,
huyện S, tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký và đóng dấu

Trần Bình Trọng